

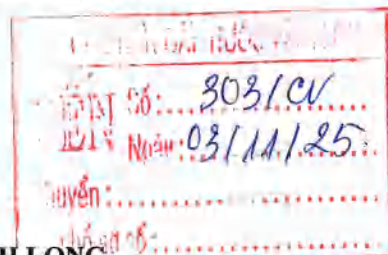


PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số: 051310/TP/051310/25

Ngày: 31/10/2025
Trang: 1/2

- Tên mẫu và ký hiệu : Nước uống đóng chai Việt Úc (Tại Chi nhánh Sản xuất Kinh doanh nước uống đóng chai Việt Úc)
- Số lượng mẫu : 01 mẫu (khoảng 05 lít)
- Ngày nhận mẫu : 13/10/2025
- Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bình nhựa
- Ngày thử nghiệm : Từ 13/10/2025 đến 28/10/2025
- Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**
Số 02 Hưng Đạo Vương, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long
- Lưu mẫu : Không Có Đến ngày:
- Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem Biên bản quan trắc số 051310TP
 - Lấy mẫu theo: TCVN 6663-5:2009 và TCVN 6663-3:2016
 - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
 - Thời gian và địa điểm: Từ 08h25 - 08h30 ngày 13/10/2025 tại Chi nhánh Sản xuất Kinh doanh nước uống đóng chai Việt Úc - Số 54 Nguyễn Huệ, P. Long Châu, tỉnh Vĩnh Long.



9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
1	Hàm lượng Antimon (Sb) ^(iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,0012)	0,02
2	Hàm lượng Asen (As) ^(iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,003)	0,01
3	Hàm lượng Bari (Ba) ^(iso)	mg/L	US.EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,03)	0,7
4	Hàm lượng Bo (B) ^(iso)	mg/L	US.EPA Method 200.7	KPH (LOQ = 0,12)	0,5
5	Hàm lượng Bromat ^(iso)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOQ = 6)	10
6	Hàm lượng Cadimi (Cd) ^(iso)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,0015)	0,003
7	Hàm lượng Clo ^(iso)	mg/L	SMEWW 4500- Cl.B:2023	KPH (LOQ = 0,15)	5

Ghi chú: - (*) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 6-1:2010/BYT về nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (theo yêu cầu khách hàng); - ^(iso): chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025; - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện;
- Xem tiếp trang 2/2.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



VILAS 086
Phạm Văn Tú



Nguyễn Khánh Ngọc

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, mã số mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Name of sample, sample code and client are reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.



Số: 051310/TP/051310/25

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Ngày: 31/10/2025

Trang: 2/2

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	Mức giới hạn (*)
8	Hàm lượng Clorat (ISO)	mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (LOQ = 0,03)	0,7
9	Hàm lượng Clorit (ISO)	mg/L	TCVN 6494-4:2000	KPH (LOQ = 0,03)	0,7
10	Hàm lượng Crom tổng (Cr) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,01)	0,05
11	Hàm lượng Đồng (Cu) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,03)	2
12	Hàm lượng Cianua (CN ⁻) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (LOQ = 0,006)	0,07
13	Hàm lượng Florua (F ⁻) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500 F ⁻ .B&D:2023	KPH (LOQ = 0,14)	1,5
14	Hàm lượng Chì (Pb) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,003)	0,01
15	Hàm lượng Mangan (Mn) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,03)	0,4
16	Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (ISO)	µg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,6)	0,006
17	Hàm lượng Molybden (Mo) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,003)	0,07
18	Hàm lượng Niken (Ni) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,009)	0,07
19	Hàm lượng Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B:2023	0,58	50
20	Hàm lượng Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) (ISO)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B:2023	KPH (LOQ = 0,01)	3
21	Hàm lượng Selen (Se) (ISO)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (LOQ = 0,006)	0,01
22	Tổng hoạt độ phóng xạ alpha (α) (ISO)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (LOQ = 0,072)	0,5
23	Tổng hoạt độ phóng xạ beta (β) (ISO)	Bq/L	TCVN 8879:2011	KPH (LOQ = 0,081)	1
24	Coliform (ISO)	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	0	0
25	Escherichia coli (ISO)	CFU/250mL	ISO 9308-1:2014/ Amd 1:2016	0	0
26	Vi khuẩn đường ruột (Streptococci fecal) (ISO)	CFU/250mL	ISO 7899-2:2000	0	0
27	Pseudomonas aeruginosa (ISO)	CFU/250mL	ISO 16266:2006	0	0
28	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfat (ISO)	CFU/50mL	TCVN 6191-2:1996	0	0

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, mã số mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Name of sample, sample code and client are reported as the client's request.
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.
This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.